

Số: /TB-SGDĐT

Quảng Trị, ngày tháng 3 năm 2026

## THÔNG BÁO

### **Danh mục tài liệu và cấu trúc đề thi vấn đáp, sát hạch, thi viết vòng 2 tuyển dụng viên chức sự nghiệp giáo dục năm học 2025 - 2026**

Thực hiện Kế hoạch tuyển dụng viên chức sự nghiệp giáo dục năm học 2025 - 2026, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Trị thông báo danh mục tài liệu và cấu trúc đề thi vấn đáp, sát hạch, thi viết (vòng 2) đối với kỳ tuyển dụng viên chức vào làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

1. Danh mục tài liệu và cấu trúc đề thi được quy định tại Phụ lục kèm theo Thông báo này.

2. Thông báo này được gửi đến các đối tượng dự tuyển (03 nhóm đối tượng theo Kế hoạch tuyển dụng) để chủ động nghiên cứu, ôn tập; đồng thời đề nghị các cơ quan, đơn vị, cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh đăng tải công khai trên Cổng/Trang thông tin điện tử của đơn vị để các tổ chức, cá nhân liên quan biết.

Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo để các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan biết, thực hiện./.

#### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (báo cáo);
- UBND xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh - Truyền hình Quảng Trị;
- Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở GDĐT;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc;
- Văn phòng, các phòng thuộc Sở;
- Cổng TTĐT Sở GDĐT;
- Lưu: VT, TCCB.

**GIÁM ĐỐC**

**Lê Thị Hương**

## Phụ lục

### Danh mục tài liệu và cấu trúc đề thi vấn đáp, sát hạch, thi viết vòng 2 tuyển dụng viên chức sự nghiệp giáo dục năm học 2025 - 2026

#### 1. Cấu trúc chung của các loại đề thi:

- Đề gồm 04 câu hỏi, tổng 100 điểm:
  - Câu 1 (kiến thức chung): 30 điểm;
  - Câu 2 (kiến thức chuyên môn): 30 điểm;
  - Câu 3 (kỹ năng nghề nghiệp): 30 điểm;
  - Câu 4 (tình huống sự phạm/hoạt động nghề nghiệp): 10 điểm.
- Thời gian làm bài:
  - Đối với đề vấn đáp: 30 phút;
  - Đối với đề thi viết (tự luận): 180 phút.

#### 2. Danh mục tài liệu, cấu trúc đề theo vị trí việc làm:

| TT   | Nội dung  | Điểm               |
|--|---|--------------------|
| <b>I. Vị trí việc làm Giáo viên mầm non hạng III</b> |   |                    |
| 1  | <p><b>Hiểu biết chung về Pháp luật chuyên ngành, đạo đức nghề nghiệp gắn với vị trí việc làm dự tuyển giáo viên mầm non:</b></p> <p><i>Những quy định chung về Luật Viên chức:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương II. Quyền, nghĩa vụ của viên chức, gồm các Điều: 11, 12, 13, 14, 16, 17.</li> <li>- Chương III. Tuyển dụng, sử dụng viên chức, gồm các Điều: 20, 21, 22, 23.</li> <li>- Chương IV. Quản lý viên chức, gồm các Điều: 47, 48, 49, 50.</li> </ul> <p><i>Những quy định chung về Luật Giáo dục:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương I. Những quy định chung, gồm các Điều: 2, 3, 4, 5, 6.</li> <li>- Chương II. Hệ thống giáo dục, gồm các Điều: 23, 24, 25, 26, 27.</li> <li>- Chương IV. Nhà giáo, gồm các Điều: 66, 67, 68, 69, 70.</li> </ul> <p><i>Những quy định chung về Luật Nhà giáo:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương II. Hoạt động nghề nghiệp..., gồm các Điều: 7, 8, 9, 10, 11.</li> <li>- Chương III. Chức danh, chuẩn nghề nghiệp..., gồm các Điều: 12, 13.</li> <li>- Chương IV. Tuyển dụng..., gồm các Điều: 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20.</li> </ul> <p><b>Điều lệ trường mầm non; Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; Chế độ làm việc, chính sách đối với nhà giáo; Đạo đức nhà giáo liên quan đến giáo dục mầm non.</b></p> | <b>30<br/>điểm</b> |
| 2  | <p><b>Kiểm tra kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp của vị trí dự tuyển giáo viên mầm non</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức chuyên môn;</li> </ul>   | <b>70<br/>điểm</b> |

| TT   | Nội dung  | Điểm           |
|--|---|----------------|
|  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ năng nghề nghiệp của chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non;</li> <li>- Phương pháp giáo dục mầm non;</li> <li>- Xử lý tình huống sư phạm.</li> </ul>  |                |
| 3  | <p><b>Danh mục tài liệu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019, Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật Giáo dục (Luật số 123/2025), Luật Nhà giáo ngày 16 tháng 6 năm 2025, Luật Viên chức, Văn bản hợp nhất số 26/VBHN-VPQH ngày 16 tháng 12 năm 2019 Luật Viên chức.</li> <li>- Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư ban hành chương trình giáo dục mầm non, hợp nhất Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.</li> <li>- Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường mầm non.</li> <li>- Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.</li> <li>- Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường mầm non công lập; Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021.</li> <li>- Thông tư số 11/2026/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non.</li> <li>- Thông tư số 03/2026/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định quy tắc ứng xử của nhà giáo.</li> </ul> |                |
| <b>II. Vị trí việc làm Giáo viên tiểu học hạng III</b> |   |                |
| 1  | <p><b>Hiểu biết chung về Pháp luật chuyên ngành, đạo đức nghề nghiệp gắn với vị trí việc làm dự tuyển giáo viên tiểu học</b></p> <p><b>Những quy định chung về Luật Viên chức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương II. Quyền, nghĩa vụ của viên chức, gồm các Điều: 11, 12, 13, 14,</li> </ul>  | <b>30 điểm</b> |

| TT | Nội dung  | Điểm               |
|----|---|--------------------|
|    | <p>16, 17.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương III. Tuyển dụng, sử dụng viên chức, gồm các Điều: 20, 21, 22, 23.</li> <li>- Chương IV. Quản lý viên chức, gồm các Điều: 47, 48, 49, 50.</li> </ul> <p><b>Những quy định chung về Luật Giáo dục:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương I. Những quy định chung, gồm các Điều: 2, 3, 4, 5, 6.</li> <li>- Chương II. Hệ thống giáo dục, gồm các Điều: 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34.</li> <li>- Chương IV. Nhà giáo, gồm các Điều: 66, 67, 68, 69, 70.</li> </ul> <p><b>Những quy định chung về Luật Nhà giáo:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương II. Hoạt động nghề nghiệp..., gồm các Điều: 7, 8, 9, 10, 11.</li> <li>- Chương III. Chức danh, chuẩn nghề nghiệp..., gồm các Điều: 12, 13.</li> <li>- Chương IV. Tuyển dụng..., gồm các Điều: 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20.</li> </ul> <p><b>Điều lệ trường tiểu học; Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; Chế độ làm việc, chính sách đối với nhà giáo; Đạo đức nhà giáo liên quan đến vị trí tuyển dụng giáo viên tiểu học.</b></p> |                    |
| 2  | <p><b>Kiến thức, kỹ năng liên quan đến hoạt động nghề nghiệp của vị trí dự tuyển giáo viên tiểu học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức chuyên môn, hiểu biết chung về chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học, chương trình môn học của vị trí dự tuyển;</li> <li>- Kỹ năng hoạt động nghề nghiệp đối với chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học;</li> <li>- Định hướng về kiểm tra đánh giá người học;</li> <li>- Phương pháp giảng dạy các môn học cấp tiểu học;</li> <li>- Xử lý tình huống sư phạm.</li> </ul>  | <b>70<br/>điểm</b> |
| 3  | <p><b>Danh mục tài liệu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019, Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật Giáo dục (Luật số 123/2025), Luật Nhà giáo ngày 16 tháng 6 năm 2025, Luật Viên chức, Văn bản hợp nhất số 26/VBHN-VPQH ngày 16 tháng 12 năm 2019 Luật Viên chức.</li> <li>- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông (phần dành cho cấp tiểu học).</li> <li>- Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học.</li> <li>- Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.</li> <li>- Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ</li> </ul>  |                    |

| TT   | Nội dung   | Điểm               |
|--|--|--------------------|
|  | <p>trường Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập; Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về đánh giá học sinh tiểu học.</li> <li>- Thông tư số 03/2026/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định quy tắc ứng xử của nhà giáo.</li> <li>- Công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16 tháng 4 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học.</li> <li>- Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học.</li> <li>- Bộ sách giáo khoa “Kết nối tri thức với cuộc sống” cấp tiểu học của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.</li> </ul>  |                    |
| <b>III. Vị trí việc làm Giáo viên trung học cơ sở hạng III</b> |  |                    |
| <b>1</b>   | <p><b>Hiểu biết chung về Pháp luật chuyên ngành, đạo đức nghề nghiệp gắn với vị trí việc làm dự tuyển giáo viên trung học cơ sở</b></p> <p><b>Những quy định chung về Luật Viên chức:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương II. Quyền, nghĩa vụ của viên chức, gồm các Điều: 11, 12, 13, 14, 16, 17.</li> <li>- Chương III. Tuyển dụng, sử dụng viên chức, gồm các Điều: 20, 21, 22, 23.</li> <li>- Chương IV. Quản lý viên chức, gồm các Điều: 47, 48, 49, 50.</li> </ul> <p><b>Những quy định chung về Luật Giáo dục:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương I. Những quy định chung, gồm các Điều: 2, 3, 4, 5, 6.</li> <li>- Chương II. Hệ thống giáo dục, gồm các Điều: 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34.</li> <li>- Chương IV. Nhà giáo, gồm các Điều: 66, 67, 68, 69, 70.</li> </ul> <p><b>Những quy định chung về Luật Nhà giáo:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương II. Hoạt động nghề nghiệp,..., gồm các Điều: 7, 8, 9, 10, 11.</li> <li>- Chương III. Chức danh, chuẩn nghề nghiệp..., gồm các Điều: 12, 13.</li> <li>- Chương IV. Tuyển dụng..., gồm các Điều: 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20.</li> </ul> <p><b>Điều lệ trường phổ thông; Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; Chế độ làm việc, chính sách đối với nhà giáo; Đạo đức nhà giáo liên quan đến vị</b></p> | <b>30<br/>điểm</b> |

| TT | Nội dung   | Điểm               |
|----|--|--------------------|
|    | <i>trí tuyển dụng giáo viên THCS.</i>  |                    |
| 2  | <p><b>Kiến thức, kỹ năng liên quan đến hoạt động nghề nghiệp của vị trí dự tuyển Giáo viên THCS</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức chuyên môn, hiểu biết chung về chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp trung học cơ sở, chương trình môn học của môn học dự tuyển;</li> <li>- Kỹ năng hoạt động nghề nghiệp đối với chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở;</li> <li>- Định hướng về kiểm tra đánh giá người học;</li> <li>- Phương pháp giảng dạy các môn học cấp trung học cơ sở;</li> <li>- Xử lý tình huống sư phạm.</li> </ul>   | <b>70<br/>điểm</b> |
| 3  | <p><b>Danh mục tài liệu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giáo dục ngày 14/6/2019, Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật Giáo dục (Luật số 123/2025), Luật Nhà giáo ngày 16/6/2025, Luật Viên chức, Văn bản hợp nhất số 26/VBHN-VPQH ngày 16/12/2019 Luật Viên chức.</li> <li>- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông (phần dành cho cấp THCS); Thông tư số 20/2021/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT.</li> <li>- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.</li> <li>- Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.</li> <li>- Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ sở công lập; Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021.</li> <li>- Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.</li> <li>- Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học.</li> </ul> |                    |

| TT  | Nội dung   | Điểm               |
|---|--|--------------------|
|   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 03/2026/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định quy tắc ứng xử của nhà giáo.</li> <li>- Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.</li> <li>- Công văn 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn của trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng.</li> <li>- Bộ sách giáo khoa “Kết nối tri thức với cuộc sống” cấp THCS của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.</li> </ul>  |                    |
| <b>IV. Vị trí việc làm Giáo viên trung học phổ thông hạng III</b> |  |                    |
| <b>1</b>  | <p><b>Hiểu biết chung về Pháp luật chuyên ngành, đạo đức nghề nghiệp gắn với vị trí việc làm dự tuyển giáo viên trung học phổ thông</b></p> <p><i>Những quy định chung về Luật Viên chức:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương II. Quyền, nghĩa vụ của viên chức, gồm các Điều: 11, 12, 13, 14, 16, 17.</li> <li>- Chương III. Tuyển dụng, sử dụng viên chức, gồm các Điều: 20, 21, 22, 23.</li> <li>- Chương IV. Quản lý viên chức, gồm các Điều: 47, 48, 49, 50.</li> </ul> <p><i>Những quy định chung về Luật Giáo dục:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương I. Những quy định chung, gồm các Điều: 2, 3, 4, 5, 6.</li> <li>- Chương II. Hệ thống giáo dục, gồm các Điều: 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34.</li> <li>- Chương IV. Nhà giáo, gồm các Điều: 66, 67, 68, 69, 70.</li> </ul> <p><i>Những quy định chung về Luật Nhà giáo:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương II. Hoạt động nghề nghiệp..., gồm các Điều: 7, 8, 9, 10, 11.</li> <li>- Chương III. Chức danh, chuẩn nghề nghiệp..., gồm các Điều: 12, 13.</li> <li>- Chương IV. Tuyển dụng..., gồm các Điều: 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20.</li> </ul> <p><b>Điều lệ trường phổ thông; Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; Chế độ làm việc, chính sách đối với nhà giáo; Đạo đức nhà giáo liên quan đến vị trí tuyển dụng giáo viên THPT.</b></p> | <b>30<br/>điểm</b> |
| <b>2</b>  | <p><b>Kiến thức, kỹ năng liên quan đến hoạt động nghề nghiệp của vị trí dự tuyển giáo viên THPT</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức chuyên môn, hiểu biết chung về chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp trung học phổ thông, chương trình môn học của môn dự tuyển;</li> <li>- Kỹ năng hoạt động nghề nghiệp đối với chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông;</li> </ul>  | <b>70<br/>điểm</b> |

| TT | Nội dung   | Điểm |
|----|--|------|
|    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Định hướng về kiểm tra đánh giá người học;</li> <li>- Phương pháp giảng dạy các môn học cấp THPT;</li> <li>- Xử lý tình huống sư phạm.</li> </ul>   |      |
| 3  | <p><b>Danh mục tài liệu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019, Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật Giáo dục (Luật số 123/2025), Luật Nhà giáo ngày 16 tháng 6 năm 2025, Luật Viên chức, Văn bản hợp nhất số 26/VBHN-VPQH ngày 16 tháng 12 năm 2019 Luật Viên chức.</li> <li>- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông (phần dành cho cấp THPT); Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT.</li> <li>- Thông tư số 22/2025/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Chương trình giáo dục nâng cao dành cho môn chuyên trong trường trung học phổ thông chuyên (<i>dành riêng cho Đối tượng 1</i>).</li> <li>- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.</li> <li>- Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.</li> <li>- Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học phổ thông công lập; Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021.</li> <li>- Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học.</li> <li>- Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Thông tư quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.</li> <li>- Thông tư số 03/2026/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định quy tắc ứng xử của nhà giáo.</li> </ul> |      |

| TT   | Nội dung   | Điểm           |
|--|--|----------------|
|  | <p>- Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 8 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.</p> <p>- Công văn 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn của trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng.</p> <p>- Bộ sách giáo khoa “Kết nối tri thức với cuộc sống” cấp THPT của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.</p>   |                |
| <b>V. Các vị trí việc làm: Kế toán viên trung cấp hạng IV; Văn thư viên trung cấp; Viên chức Thiết bị, thí nghiệm; Thư viện viên hạng IV</b> |  |                |
| 1  | <p><b>Hiểu biết chung về Luật Viên chức, Luật Giáo dục, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến vị trí dự tuyển</b><br/> <i>Nh ng quy định chung về Luật Viên chức:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương II. Quyền, ngh a vụ của viên chức, g m các Điều: 11, 12, 13, 14, 16, 17.</li> <li>- Chương III. Tuyển dụng, s dụng viên chức, g m các Điều: 20, 21, 22, 23.</li> <li>- Chương IV. Quản lý viên chức, g m các Điều: 47, 48, 49, 50.</li> </ul> <p><i>Nh ng quy định chung về Luật Giáo dục:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương I. Nh ng quy định chung, g m các Điều: 2, 3, 4, 5, 6.</li> <li>- Chương II. Hệ thống giáo dục, g m các Điều: 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34.</li> <li>- Chương IV. Nhà giáo, g m các Điều: 66, 67, 68, 69, 70.</li> </ul> <p><i>Điều lệ trường phổ thông tương ứng với cấp học của vị trí dự tuyển</i><br/> <i>Các nội dung liên quan đến nhiệm vụ, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng với vị trí việc làm dự tuyển quy định tại các thông tư của các Bộ, Ngành liên quan đến vị trí dự tuyển (danh mục tài liệu ở nội dung dưới đây).</i></p> | <b>30 điểm</b> |
| 2  | <p><b>Kiến thức, kỹ năng liên quan đến hoạt động nghề nghiệp của vị trí dự tuyển</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiến thức chung về vị trí việc làm dự tuyển;</li> <li>- Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp theo vị trí dự tuyển;</li> <li>- Xử lý tình huống liên quan đến hoạt động nghề nghiệp của vị trí việc làm dự tuyển.</li> </ul>  | <b>70 điểm</b> |
| 3  | <p><b>Danh mục tài liệu:</b></p> <p><b>a) Kiến thức chung:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019, Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật Giáo dục (Luật số 123/2025), Luật Nhà giáo ngày 16 tháng 6 năm</li> </ul>  |                |

| TT | Nội dung  | Điểm |
|----|---|------|
|    | <p>2025, Luật Viên chức, Văn bản hợp nhất số 26/VBHN-VPQH ngày 16 tháng 12 năm 2019 Luật Viên chức.</p> <p>- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.</p> <p>- Các văn bản của Bộ, Ngành liên quan đến vị trí việc làm cần tuyển (nếu có).</p> <p><b>b) Kiến thức, kỹ năng chuyên ngành liên quan đến hoạt động nghề nghiệp đối với từng vị trí việc làm cụ thể:</b></p> <p>- <b>Đối với vị trí Kế toán viên trung cấp hạng IV:</b> Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015; Thông tư số 66/2024/TT-BTC ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức danh, mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành kế toán; Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp; Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;</p> <p>- <b>Đối với vị trí Văn thư viên trung cấp:</b> Luật Lưu trữ số 33/2024/QH15 ngày 21 tháng 6 năm 2024; Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư; Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư; Thông tư 06/2022/TT-BNV ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11 tháng 6 năm 2021.</p> <p>- <b>Đối với vị trí Viên chức Thiết bị, thí nghiệm:</b> Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông; Thông tư số 14/2025/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 21/2022/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương viên chức thiết bị, thí nghiệm trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trường chuyên biệt công lập; Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ</p> |      |

| TT | Nội dung  | Điểm |
|----|---|------|
|    | <p>sở; Thông tư số 26/2023/TTBGDDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT và Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT.</p> <p><b>- Đối với vị trí Thư viện viên hạng IV:</b> Thông tư 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Bộ VHTT&amp;DL quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện (được sửa đổi bởi Thông tư 15/2025/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Bộ VHTT&amp;DL sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành di sản văn hóa, thư viện, văn hóa cơ sở, thể dục thể thao, mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh và tuyên truyền viên văn hóa); Thông tư 18/2014/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 12 năm 2014 của Bộ VHTT&amp;DL quy định về hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của thư viện; Thông tư 02/2020/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Bộ VHTT&amp;DL quy định về bảo quản, thanh lọc tài nguyên thông tin và tài nguyên thông tin hạn chế sử dụng trong thư viện; Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Bộ VHTT&amp;DL Hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông.</p> |      |